

KẾ HOẠCH TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2020

Đơn vị báo cáo: Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Tổng quy mô	Dự kiến số tốt nghiệp	Chỉ tiêu	Ngày thi/ xét tuyển	Địa điểm đào tạo
I	Tiến sĩ					
1	Khoa học y sinh (Giải phẫu người)	11	2	3	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
2	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh và pháp y)	5			06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
3	Khoa học y sinh (Hóa sinh y học)	5	1	7	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
4	Khoa học y sinh (Vi sinh y học)	1			06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
5	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8	1	2	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
6	Ngoại khoa (Ngoại lồng ngực)	20	5		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
7	Ngoại khoa (Ngoại tiêu hóa)	27	5	4	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
8	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)	21	3		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
9	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)	9			06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
10	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình và tạo hình)	10	1	2	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
11	Sản phụ khoa	11	2	4	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
12	Nhi khoa	12	4	5	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
13	Nội khoa (Nội tim mạch)	28	1	9	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
14	Nội khoa (Nội tiêu hóa)	2			06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
15	Nội khoa (Nội hô hấp)	4	1		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
16	Nội khoa (Nội thận - tiết niệu)	2	1		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
17	Nội khoa (thần kinh)	12	1	1	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
18	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Truyền nhiễm)	3		2	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
19	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Lao)	3	1	1	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
20	Tai - Mũi - Họng	9			06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
21	Nhân khoa	7	1	1	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
22	Y học cổ truyền	8	1	4	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
23	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	6	1		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
24	Hóa dược	7	1		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
25	Dược lý và dược lâm sàng	9	1	4	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
26	Dược liệu - Dược học cổ truyền	11	1	7	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
27	Răng - Hàm - Mặt	21	1	5	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
28	Dịch tễ học	6	1		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
29	Gây mê hồi sức	5	2		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
30	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	1		4	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
31	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	13	3		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
32	Y tế công cộng	6		9	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
	Tổng	303	42	74		
II	Thạc sĩ					
1	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Lao)	2	1	5	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
2	Bệnh Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Truyền nhiễm)	7	4	6	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
3	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	48	23	30	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
4	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)	37	19	20	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
5	Điều dưỡng	60	30	30	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
6	Dược học cổ truyền	28	13	28	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
7	Dược lý và dược lâm sàng	104	51	50	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
8	Gây mê hồi sức	23	13	5	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
9	Khoa học Y sinh (Giải phẫu bệnh)	25	10	10	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
10	Khoa học Y sinh (Giải phẫu học)	0	0	6	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
11	Khoa học Y sinh (Hóa sinh)	4	3	15	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
12	Khoa học Y sinh (Ký sinh trùng y học)	1			06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
13	Khoa học Y sinh (Mô phôi)	4	2	2	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
14	Khoa học Y sinh (Sinh lý học)	4	2	6	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
15	Khoa học y sinh (Vi sinh y học)	1	0		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
16	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	41	19	34	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
17	Kỹ thuật phục hồi chức năng	14		20	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
18	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	64	30	35	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
19	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)	34	18	17	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
20	Ngoại khoa (Ngoại - Lồng Ngực)	23	9		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM

21	Ngoại khoa (Ngoại - Nhi)	12	7	9	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
22	Ngoại khoa (Ngoại - Niệu)	17	8	10	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
23	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh và Sọ não)	21	11	6	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
24	Ngoại khoa (ngoại TQ)	31	15	16	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
25	Nhân khoa	21	11	10	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
26	Nhi khoa	31	21	10	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
27	Nội khoa (Da liễu)	34	14	20	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
28	Nội khoa (Hồi sức cấp cứu)	0	0		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
29	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)	19	10		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
30	Nội khoa (Lão khoa)	34	16	24	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
31	Nội khoa (Nội tiết)	6		6	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
32	Nội khoa (Nội TQ)	61	32	30	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
33	Nội khoa (Tâm thần)	10	5	3	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
34	Nội khoa (Thần kinh)	18	13	10	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
35	Răng-Hàm-Mặt	55	29	20	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
36	Sản phụ khoa	44	24	20	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
37	Tai-Mũi-Họng	56	28	30	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
38	Tổ chức Quản lý dược	24		29	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
39	Ung thư	30	15	15	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
40	Y học cổ truyền	45	21	30	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
41	Y học dự phòng	20	4	20	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
42	Y tế công cộng	47	29	30	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
	Tổng	1160	560	667		
III	Chuyên khoa 2					
1	Siêu âm	2	0	7	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
2	X quang	9	3		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
3	Chấn thương chỉnh hình	22	12	14	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
4	Da liễu	6	6	3	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
5	Gây mê hồi sức	24	11	10	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
6	Giải phẫu bệnh	3	3	4	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
7	Hồi sức cấp cứu	15	10	4	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
8	Hóa sinh	0		8	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
9	Huyết học	17	11	6	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
10	Lao	10	9	5	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
11	Lão khoa	13	8	7	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
12	Ngoại - Lồng ngực	10	6	10	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
13	Ngoại - Nhi	6	6	3	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
14	Ngoại - Thần kinh & sọ não	14	11	6	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
15	Ngoại - Tiết niệu	12	7	4	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
16	Ngoại khoa	25	13	12	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
17	Nhân khoa	24	16	5	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
18	Nhi - Hô hấp	5	4	14	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
19	Nhi - Hồi sức	5	2		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
20	Nhi: Huyết học - Ung bướu	6			06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
21	Nhi - Nội tiết và chuyển hóa	2			06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
22	Nhi - Sơ sinh	8	3		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
23	Nhi - Thận	0			06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
24	Nhi - Thần kinh	1	1		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
25	Nhi - Tiêu hóa	4	1		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
26	Nhi - Tim mạch	6	3		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
27	Nội - Hô hấp	6	3	15	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
28	Nội - Thận tiết niệu	3	2		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
29	Nội - Tiêu hóa	8	5		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
30	Nội - Tim mạch	10	3		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
31	Nội tiết	12	6	3	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
32	Quản lý y tế	8	3	37	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
33	Răng Hàm Mặt	20	16	10	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
34	Sản phụ khoa	54	30	24	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
35	Tai Mũi Họng (Mũi Họng)	17	11	10	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
36	Tai Mũi Họng (Thính học)	2	0		06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
37	Tâm thần	1	0	5	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
38	Thần kinh	6	5	5	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
39	Tổ chức Quản lý dược	29	8	15	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
40	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	4	3	4	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
41	Ung thư	26	16	10	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM

42	Y học cổ truyền	14	2	12	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
43	Y học gia đình	2	2	5	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
44	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	0	0	9	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
Tổng cộng		471	261	286		
IV Chuyên khoa I						
1	Chẩn đoán hình ảnh	114	40	80	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
2	Chẩn thương chỉnh hình	103	51	45	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
3	Da liễu	113	41	50	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
4	Gây mê hồi sức	64	34	30	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
5	Giải phẫu bệnh	8	5	11	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
6	Hóa sinh y học	3	2	15	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
7	Hồi sức cấp cứu	82	33	21	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
8	Huyết học	18	9	10	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
9	Lao	12	5	10	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
10	Lão khoa	50	21	30	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
11	Ký sinh trùng và côn trùng	0	0	2	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
12	Ngoại khoa	49	26	24	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
13	Ngoại - Lồng ngực	13	7	12	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
14	Ngoại nhi	21	12	10	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
15	Ngoại - Thần kinh	35	17	12	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
16	Ngoại - Tiết niệu	37	17	12	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
17	Nhân khoa	43	17	20	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
18	Nhi khoa	206	109	80	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
19	Nội khoa	110	50	60	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
20	Nội tiết	68	38	10	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
21	Phục hồi chức năng	13	7	15	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
22	Sân phụ khoa	150	82	52	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
23	Tai Mũi Họng	48	28	30	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
24	Tâm thần	9	7	10	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
25	Thần kinh	33	13	20	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
26	Truyền nhiễm	28	16	15	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
27	Vi sinh y học	2	1	10	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
28	Ung thư	33	15	20	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
29	Y học gia đình	16	9	30	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
30	Công nghệ dược phẩm và bào chế	0	0	60	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
31	Dược liệu - Dược học cổ truyền	2	0	10	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
32	Dược lý và dược lâm sàng	36	18	60	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
33	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	0	0	20	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
34	Tổ chức quản lý dược	76	27	70	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
35	Răng Hàm Mặt	123	55	60	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
36	Y học cổ truyền	68	34	54	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
37	Y học dự phòng	0	0	10	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
38	Y tế công cộng	0	0	10	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
39	Dinh dưỡng	7	0	20	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
40	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	12	0	12	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
41	Chăm sóc giảm nhẹ	5	0	6	06/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
Tổng		1810	846	1138		
V Bác sỹ Nội trú						
1	Chẩn đoán hình ảnh	27	10	10	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
2	Chẩn thương chỉnh hình	19	6	7	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
3	Da liễu	8	2	3	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
4	Gây mê hồi sức	25	10	9	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
5	Giải Phẫu Bệnh	7	0	11	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
6	Hồi sức cấp cứu	11	4	4	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
7	Huyết học - Truyền máu	23	8	8	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
8	Lao	0	0	2	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
9	Lão khoa	17	5	7	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
10	Ngoại - Lồng ngực	21	7	4	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
11	Ngoại - Nhi	17	6	6	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
12	Ngoại - Thần kinh và Sọ não	17	5	5	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
13	Ngoại - Tiết niệu	10	3	3	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
14	Ngoại khoa	24	6	10	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
15	Nhân khoa	12	4	5	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
16	Nhi khoa	30	10	10	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
17	Nội tiết	12	4	4	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM

18	Nội khoa	22	6	10	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
19	Phục hồi chức năng	12	4	5	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
20	Răng Hàm Mặt	24	7	10	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
21	Sân phụ khoa	18	6	6	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
22	Tai Mũi Họng	21	8	8	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
23	Tâm thần	9	3	3	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
24	Thần kinh	26	10	8	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
25	Truyền nhiễm	10	2	4	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
26	Ung thư	11	4	4	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
27	Y học cổ truyền	14	2	6	09/2020	ĐH Y Dược Tp. HCM
Tổng		447	142	172		

Người lập bảng

Họ tên: Huỳnh Trung Quốc Hiếu

Chữ ký: 

Điện thoại: 0973555567

Email: quochieu@ump.edu.vn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2020

Hiệu trưởng 

 **ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
TP. HỒ CHÍ MINH**

PGS.TS. Trần Diệp Tuấn

 T